

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HS-ST

Ngày: 20/6/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Minh Hải

Ông Đinh Văn Luận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

**Trần Đức L**, sinh năm 1963; nơi ĐKKHKT: khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: giám đốc công ty; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức C và bà Trần Thị Đ (đều đã chết); gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1963 (đã chết) và 04 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Trần Thị L, sinh năm 1989; trú tại: khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

**\* Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; trú tại: khu phố T, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Trần Thị G, sinh năm 1996; trú tại: Khu phố H, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

3. Chị Lê Thị L, sinh năm 1992; trú tại: Khu phố Trịnh Xá, phường C, thành phố

Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

4. Chị Trần Thị H, sinh năm 1996; trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; trú tại: Khu phố phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

6. Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1993; trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

7. Chị Lưu Thị Th, sinh năm 1993; trú tại: Xóm 6, Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

8. Anh Trần Đức L, sinh năm 2000; trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

9. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; trú tại: phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

10. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; trú tại: thôn Cẩm Hà, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

11. Chị Trần Thị Ly L, sinh năm 1994;

12. Chị Trần Thị H, sinh năm 2001;

13. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1999;

14. Chị Trần Thị N, sinh năm 1987;

Đều trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

15. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1982; trú tại: M, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Đều vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH sản xuất thép H (*Công ty H*) có trụ sở tại khu phố Đ, phường C, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được Sở Kế hoạch & đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13/01/2016, ngành nghề sản xuất, bán buôn kim loại, quặng kim loại. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Trần Đức L.

Công ty TNHH sản xuất & kinh doanh thương mại T (*Công ty T*), được Sở Kế hoạch & đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23/8/2017, ngành nghề sản xuất, bán buôn kim loại, quặng kim loại. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Trần Thị L1 (L1 là con ruột của L). Tuy nhiên

mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều do Trần Đức L điều hành, quản lý.

Quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh đến khoảng tháng 01/2019, Trần Đức L thấy có nhiều người đến mua hàng và đặt vấn đề nhờ L xuất không hóa đơn giá trị gia tăng (*hóa đơn GTGT*) không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Sau đó, L trực tiếp đứng ra trao đổi, thỏa thuận với khách hàng về việc bán không hóa đơn GTGT, với giá bán không là 3,2% trên tổng trị giá tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT. Để thực hiện việc bán không hóa đơn, L yêu cầu khách hàng cung cấp trước thông tin về tên đơn vị, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, số lượng, chủng loại hàng hóa; khi được khách hàng cung cấp các thông tin này, thì L đã chỉ đạo Trần Thị Giáp là kế toán nội bộ của Công ty, viết nội dung vào tờ hóa đơn GTGT, soạn thảo hợp đồng kinh tế, hợp đồng nguyên tắc, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, biên bản thanh lý hợp đồng,...theo các thông tin do L cung cấp. Mỗi lần yêu cầu Giáp viết hóa đơn, L đều không trao đổi hay nói gì cho Giáp biết về việc L bán không hóa đơn cho khách hàng. Sau khi viết xong, Giáp chuyển lại toàn bộ hóa đơn, chứng từ cho L để L ký, đóng dấu Giám đốc Công ty H hoặc nếu xuất hóa đơn của Công ty T thì L đưa cho Trần Thị L1 ký, đóng dấu Giám đốc Công ty T, nếu không có kế toán thì L trực tiếp đưa cho khách hàng quyền hóa đơn, ủy nhiệm chi của Công ty T và Công ty H đã ký, đóng dấu Công ty để khách hàng tự viết nội dung, hoàn thiện hồ sơ. Để hợp thức hóa việc bán không hóa đơn GTGT, L yêu cầu khách hàng chuyển số tiền hàng và tiền thuế ghi trên hóa đơn GTGT vào số tài khoản của Công ty T số 43310000355273 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Từ Sơn; Số 11610000190834 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Hoài Đức và Công ty H số 43310000290435 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Từ Sơn; Số 115000169816 tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh T. Sau đó, L trực tiếp ra Ngân hàng hoặc bảo Trần Thị L1, Lê Thị Lương, Trần Thị Huyền làm thủ tục rút toàn bộ số tiền khách chuyển và đưa lại tiền cho L. Sau khi nhận được tiền, L giữ lại 3,2% tổng tiền hàng không chưa thuế ghi trên hóa đơn là tiền bán hóa đơn, số còn lại L trả trực tiếp bằng tiền mặt cho khách hàng, không có giấy tờ biên nhận. Những người mua hóa đơn của L đều tự giới thiệu là nhân viên của Công ty mua hóa đơn.

Để thực hiện việc kê khai báo cáo thuế, Trần Đức L đã thuê Nguyễn Thị Nh làm kế toán thuế thời vụ, không làm việc thường xuyên tại Công ty và trả lương 3.000.000đ trên kỳ báo cáo thuế, Nhàn có nhiệm vụ đến Công ty của L để nhận hóa đơn, chứng từ do L cung cấp để mang về thực hiện việc kê khai, báo cáo thuế cho Công ty. Tuy nhiên, L không trao đổi, bàn bạc, thỏa thuận hay nói

cho Nhân biết về hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 03/2020, Trần Đức L trực tiếp xuất bán không 83 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của 2 Công ty trên cho 19 Công ty với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là: 119.155.634.451đ, tiền thuế là 11,744,475,498đ. Cụ thể:

1. Bán không 01 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 1.951.074.000đ, tiền thuế là 195.107.400đ cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng C, địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đ, huyện Đ, TP Hà Nội.

2. Bán không 03 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 1.092.060.100đ, tiền thuế là 109.206.010đ cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Đ, địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

3. Bán không 02 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 1.133.564.570đ, tiền thuế là 113.356.457đ cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại I, địa chỉ: thôn Cổ Diễn A, xã T, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

4. Bán không 02 hóa đơn GTGT ký hiệu HK/16P số 725 ngày 27/03/2019; số 727 ngày 28/3/2019. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 1.877.366.025đ, tiền thuế là 187.736.603đ cho Công ty TNHH kiến trúc xây dựng và thương mại T, MST: 0108069416, địa chỉ: phố Sủi, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

5. Bán không 03 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 3.800.020.000đ, tiền thuế là 380.002.000đ cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng B, địa chỉ: đội 7, thôn Vệ Lh, xã Phù Lh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

6. Bán không 02 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 2.820.704.600đ, tiền thuế là 282.070.460đ cho Công ty TNHH kinh doanh thương mại Đ, địa chỉ: 46 Tây Hòa, khu phố 4, phường Phước Long A, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

7. Bán không 06 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 4.080.000.000đ, tiền thuế là 408.000.000đ cho Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Việt Trung L.A, địa chỉ: lô 03HG, đường 10, KCN X, ấp T, xã Mỹ Hnh Bắc, huyện Đ, tỉnh Long An.

8. Bán không 02 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 513.323.270đ, tiền thuế là 51.332.327đ cho Công ty TNHH Total T, địa chỉ: khu công nghiệp Q, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

9. Bán không 07 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 1.133.340.280đ, tiền thuế là 113.334.028đ cho Công ty TNHH HT- CNC, địa chỉ:

thôn N, xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

10. Bán không 02 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 1.804.949.400đ, tiền thuế là 180.494.940đ cho Công ty Cổ phần A, địa chỉ: số 244, đường N, phường T, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

11. Bán không 02 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 1.283.964.000đ, tiền thuế là 128.396.400đ cho Công ty TNHH Siseong Global Vina, địa chỉ: khu phố D, KCN T, phường T, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

12. Bán không 03 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 3.042.572.665đ, tiền thuế là 304.257.267đ cho Công ty TNHH GREEN M, địa chỉ: tổ 1, phường T, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

13. Bán không 06 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 5.903.504.140đ, tiền thuế là 590.350.414đ cho Công ty TNHH Cơ điện - vận tải và thương mại E, địa chỉ: xóm D, xã D, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.

14. Bán không 24 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 48.763.288.226đ, tiền thuế là 4.876.328.823đ cho Công ty Cổ phần S2N, địa chỉ: số 79, đường số 3, KDC Citiland, phường 7, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh.

15. Bán không 12 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 37.772.123.000đ, tiền thuế là 3.777.212.300đ cho Công ty TNHH MTV thiết bị điện Lioa Đồng Nai, địa chỉ tại: số 5 Đường 17 A, KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

16. Bán không 02 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 198.605.395đ, tiền thuế là 19.860.540đ cho Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông 236, địa chỉ: số 8, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

17. Bán không 01 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 500.531.000đ, tiền thuế là 50.053.100đ cho Công ty TNHH xây dựng VHC Việt Nam, địa chỉ số 34B, ngõ 254, phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội:

18. Bán không 02 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 806.580.640đ, tiền thuế là 80.658.064đ cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại STQ Việt Nam, địa chỉ: Đội 4, thôn Đồng Nhân, xã Đông La, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.

19. Bán không 01 hóa đơn GTGT. Trị giá tiền hàng chưa thuế là 635.448.000đ, tiền thuế là 63.544.800đ cho Công ty trách nhiệm hữu Hn Chấn Mỹ, địa chỉ: số 28, đường Nguyễn Văn L1, làng Việt Kiều Châu Âu, phường Mộ

Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

\* Số tiền theo Trần Đức L khai nhận đã bán không 83 hóa đơn đầu ra của Công ty H và Công ty T, tổng số tiền hàng là 119.155.634.451 đ x 3,2% (giá bán) = 3.812.980.302 đồng.

Đề hợp thức hóa 83 số hóa đơn bán không kể trên, Trần Đức L đã tự cân đối, tính toán số lượng, trị giá hàng hóa đã bán không đầu ra của Công ty H và Công ty T theo từng tháng hoặc từng quý, rồi gặp và thỏa thuận với một người đàn ông tự giới thiệu tên là Thành quê ở Hà Nội, nhưng không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể để mua hóa đơn đầu vào với giá là 3,0% tổng trị giá tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT khớp với số hàng hóa, dịch vụ, chủng loại và trị giá tiền hàng mà L đã xuất bán không cho khách hàng trước đó. Cụ thể, L đã thông qua Thành mua không 73 số hóa đơn của Công ty TNHH vận tải & du lịch H (Công ty H) địa chỉ trụ sở tại: Thôn Ái Mộ, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội - Giám đốc là Nguyễn Đình Sang và Công ty TNHH D&C M Việt Nam (Công ty M), địa chỉ trụ sở tại: BT01 biệt thự Lâm Viên, khu đô thị Đặng Xá, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội - Giám đốc là Vũ Hải Đông. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT của 2 công ty là 117.444.754.932đ tiền thuế là 11,744,475,498đ. cụ thể:

- Mua không 38 hóa đơn GTGT của Công ty H, tổng trị giá tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên là 32.539.626.865đ, tiền thuế là 3.253.962.687đ.

- Mua không 35 hóa đơn GTGT của Công ty M Việt Nam, tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi hóa đơn là 84.905.128.067đ, tiền thuế là 8.490.512.807đ.

\* Số tiền theo Trần Đức L khai nhận đã mua không 73 hóa đơn đầu vào của người đàn ông tên Thành của công ty Công ty H và Công ty M Việt Nam là 117.444.754.932đ x 3,0% = 3.523.342.648đ.

Đề hợp thức hóa việc mua không hóa đơn của Công ty H và Công ty Trường L1, sau khi L nhận được hóa đơn GTGT, giấy giới thiệu, giấy rút tiền mặt và các chứng từ đã được ký tên, đóng dấu....do Thành chuyển đến, thì L dùng tiền của L chuyển đủ số tiền ghi trên hóa đơn vào tài khoản số 21410002906193 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Đông Hà Nội của Công ty M và tài khoản số 25610001776849 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc của Công ty H. Sau đó L nhờ những người thân của L gồm: Trần Đ, Lưu Thị Th, Trần Thị Huyền Vi, Trần Thị N, Trần Thị Ly Ly, Phạm Thị Trà, Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị Diên dùng Ủy nhiệm chi của công ty M và công ty H, ra rút tiền về trả lại cho L. Sau

khi nhận được tiền thì L trả tiền mua hóa đơn cho Thành bằng tiền mặt, không có giấy tờ biên nhận.

Như vậy, tổng số tiền Trần Đức L được hưởng lợi từ việc mua, bán 156 số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo là:  $3.812.980.302đ - 3.523.342.648đ = 289.637.654đ$ .

Sau khi tiến hành kiểm tra thuế tại Công ty H, Cơ quan thuế đã phát hiện Công ty H có dấu hiệu rủi ro cao về thuế và có dấu hiệu mua bán hóa đơn không. Do vậy, ngày 13/7/2021, Chi cục thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong đã có văn bản đề nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp điều tra, xác minh làm rõ việc mua bán hàng hóa của Công ty H để nhằm ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra với Ngân sách Nhà nước. Trong quá trình giải quyết, ngày 29/6/2021, Trần Đức L đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh (PC03) đầu thú, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 289.700.000đ do mua bán hóa đơn GTGT không mà có.

Tại Bản Cáo trạng số: 21/CT-VKSBN-P1 ngày 04/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Trần Đức L về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mua, bán hóa đơn không như cáo trạng đã truy tố, bị cáo trình bày đã sử dụng hoá đơn của công ty T và công ty H bán không 83 hóa đơn cho 19 Công ty với giá 3,2% trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và mua không 73 số hóa đơn của 02 Công ty với giá 3% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, số tiền bị cáo được hưởng lợi là 289.637.654 đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L1 trình bày tại cơ quan điều tra: Bị cáo L là bố của chị L1 có bảo chị L1 đứng tên Giám đốc công ty T hộ. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều do bị cáo thực hiện, chị L1 làm theo sự chỉ đạo của bố mình mà không biết việc bị cáo mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đức L phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đức L từ 24 đến 30 tháng tù nhưng

cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. PHT bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 289.700.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000094 ngày 01/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị Hi và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 01/2021, Trần Đức L Giám đốc Công ty H và là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty T có địa chỉ khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã có hành vi sử dụng hoá đơn của công ty T và công ty H bán không 83 hóa đơn cho 19 Công ty với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 119.155.634.451đ, với giá 3,2% trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, thu được tổng số tiền là 3.812.980.302 đồng. Sau đó, L mua không 73 số hóa đơn của 02 Công ty, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT là 117.444.754.932đ, với giá 3% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, tổng số tiền L phải trả để mua không hóa đơn là 3.523.342.648đồng. Số tiền L được hưởng lợi là  $3.812.980.302đ - 3.523.342.648đ = 289.637.654$  đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Đức L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.



[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự quản lý của nhà nước về tài chính, kinh tế, ảnh hưởng xấu trong sản xuất, kinh doanh. Do vậy cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra và trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ năm 1983, được Cục thuế tỉnh Bắc Ninh tặng Giấy khen năm 2000; bổ đề được tặng Bằng khen chống Pháp năm 2009. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đã khắc phục toàn bộ số tiền thu lợi bất chính vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cho bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

Về hình pHt bổ sung: Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình pHt bổ sung là pHt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về vật chứng: Đối với số tiền 289.700.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp tại giai đoạn điều tra là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về những người liên quan đến vụ án:

*\* Đối với các Công ty bán hóa đơn cho Công ty H và Công ty T:* Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành xác minh trụ sở địa chỉ, giám đốc và yêu cầu các Cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu kê khai báo cáo thuế, tài khoản ngân hàng có liên quan đối với Công ty H và Công ty M VN, cụ thể:

- *Đối với Công ty H:* Công an xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội cho biết trên địa bàn không có Công ty H treo biển hay hoạt động gì tại trụ sở

đăng ký kinh doanh của công ty. Còn anh Nguyễn Đình Sang, sinh năm 1963, trú tại số nhà 36, tổ 3, xã Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội đứng tên Giám đốc Công ty H cho biết bản thân anh không làm việc, hay biết gì đối với Công ty H, cũng không được ai thuê thành lập Công ty, anh không biết mình đứng tên Giám đốc và cũng như không tham gia bất kỳ hoạt động gì đối với Công ty. Tài liệu do Cơ quan Thuế huyện Gia Lâm cung cấp thể hiện Công ty H đã bỏ địa chỉ kinh doanh, dừng hoạt động từ ngày 23/4/2021.

- *Đối với Công ty Công ty M VN:* Công an xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội cho biết trên địa bàn không có Công ty M VN treo biển hay hoạt động gì tại trụ sở đăng ký kinh doanh của công ty. Còn anh Vũ Hải Đông, sinh năm 1984, trú tại phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội đứng tên Giám đốc Công ty M VN cho biết bản thân anh không làm việc, hay biết gì đối với Công ty M VN, cũng không được ai thuê thành lập Công ty, anh không biết mình đứng tên Giám đốc và cũng không tham gia bất kỳ hoạt động gì đối với Công ty. Tài liệu do Cơ quan Thuế huyện Gia Lâm cung cấp thể hiện Công ty M VN đã bỏ địa chỉ kinh doanh, dừng hoạt động từ ngày 02/4/2021.

*\* Đối với các Công ty mua hóa đơn cho Công ty H và Công ty T:*

- Các Giám đốc 19 Công ty xác định: Bản thân đều mua hàng của một người hiện không nhớ tên tuổi, địa chỉ và khi bán hàng đều giới thiệu là nhân viên Công ty đến để liên hệ giao dịch bán hàng, sau khi bán hàng thì nhân viên này trả hóa đơn, kèm theo các chứng từ liên quan của Công ty H và Công ty T. Sau đó trả tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản công ty H và công ty T.

- Xác minh tại các Ngân hàng 19 Công ty trên đăng ký đều thể hiện các Công ty này chuyển tiền thanh toán hàng hoá đến tài khoản Công ty H và Công ty T.

*\* Đối với những người liên quan đến việc viết hóa đơn, chứng từ và rút tiền từ tài khoản Ngân hàng cho L đã khai nhận như sau:*

- Trần Thị L1 - Giám đốc công ty T xác định: Khoảng tháng 8/2017, L đứng ra thành lập Công ty T và bảo L1 đứng tên hộ Giám đốc Công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều do L thực hiện, L1 thực hiện theo sự chỉ đạo của L như: ký vào hóa đơn GTGT, chứng từ rút tiền, chuyển, rút tiền ngân hàng ....về đưa lại toàn bộ số tiền cho L, L1 không biết việc L mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì.

- Nguyễn Thị Nh khai nhận: Bản thân được L thuê làm kế toán báo cáo thuế theo quý cho Trần Đức L tại Công ty H và Công ty T và được trả lương

3.000.000đ trên tháng. Hàng tháng L chuyển tài liệu đến nhà hoặc Nhân đến công ty để làm báo cáo. Thịnh thoảng có nộp tiền hộ vào tài khoản của công ty H do L nhờ. Nhân không biết việc L mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì.

- Trần Thị Giáp khai nhận: Bản thân được L thuê làm kế toán nội bộ, tổng hợp tài liệu, chứng từ, soạn thảo các hợp đồng, phiếu xuất kho, viết hóa đơn GTGT được L trả lương 3.000.000đ trên tháng. Thịnh thoảng có nộp tiền vào tài khoản của công ty T do L nhờ. Giáp không biết việc L mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì.

- Lê Thị Lương, Trần Thị Huyền, Nguyễn Thị Hiền, Trần Thị Đức khai nhận: Bản thân đều là nhân viên công ty hoặc người quen của L, được L nhờ đi rút tiền từ tài khoản công ty, sau đó đưa lại toàn bộ số tiền cho L. Không biết việc L mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì.

- Nguyễn Thị Hiền khai nhận: Trần Đức L nhờ đứng tên Kế toán trưởng Công ty H từ tháng 02/2016 đến tháng 7/2017 và không tham gia hoạt động kinh doanh tại Công ty H. Không biết việc L mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì.

- Trần Thị Đức khai nhận: Trần Đức L nhờ đứng tên Kế toán trưởng Công ty H và Công ty T từ tháng 07/2017 đến tháng 4/2018. và không tham gia hoạt động kinh doanh tại Công ty H. Không biết việc L mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì.

- Lưu Thị Thủy; Trần Đ; Nguyễn Thị Lan; Nguyễn Thị Diễm; Trần Thị Ly Ly; Trần Thị Huyền Vi; Phạm Thị Trà, Trần Thị N đều khai nhận: Được Trần Đức L nhờ đi rút tiền từ tài khoản của Công ty M VN và Công ty H và mang toàn bộ số tiền trả lại L, mỗi lần đi rút tiền L trả từ 100.000đ đến 200.000đ. Khi đi rút tiền đều được L thông báo đã trả tiền mặt trực tiếp khi mua hàng rồi, việc rút tiền chỉ hoàn tiền thủ tục hồ sơ quyết toán thuế. Không biết việc L mua, bán hóa đơn không.

\* Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định Công ty H và Công ty T của L còn sử dụng hóa đơn của 11 Công ty khác gồm: Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp Trung Việt; Công ty TNHH MTV KD và TM TH An Phát; Công ty TNHH MTV Vượng Minh Phát; Công ty CP vận tải TM và DV du lịch Nam Thắng; Công ty TNHH kinh doanh vật tư Phúc Thành; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hữu Trí; Công ty TNHH xây dựng và phát triển Tây Yên; Công ty TNHH phát triển thương mại Kim Gia; Công ty TNHH kinh doanh thương mại và đầu tư Phát L1 NG; Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp Nhất Thống; Công ty TNHH thương

mại đầu tư dịch vụ tổng hợp Minh Thu. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh trụ sở, địa chỉ kinh doanh của các Công ty trên đã xác định các Công ty này đều hoạt động tại trụ sở, địa chỉ kinh doanh. Giám đốc các Công ty này đều khai nhận có hoạt động kinh doanh với 02 Công ty của Trần Đức L và giao nộp chứng từ, tài liệu liên quan đến nội dung này. Do vậy không có đủ cơ sở xác định hành vi mua bán trái phép hoá đơn đối với các Công ty này.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đức L phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Xử pHt bị cáo Trần Đức L 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

PHt bị cáo 10 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Trần Đức L cho UBND phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình pHt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

*Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.*

2. Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 289.700.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000094 ngày 01/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao; VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQANĐT- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10; PV 06 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người tham gia TT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Trường**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Ninh, ngày 21 tháng 01 năm 2022*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Trường.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Đinh Minh Hải.

***Ông Đinh Văn Luận.***

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

**Trần Đức L**, sinh năm: 1963, Trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH**

### **CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

#### **I/ Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Trần Đức L phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

**Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.**

#### **II/ Về điều luật áp dụng:**

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

**Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.**

#### **III/ Về hình pHt:**

- Xử pHt bị cáo Trần Đức L 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.**

#### **IV/ Các vấn đề khác:**

- PHt bị cáo 10 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Giao bị cáo Trần Đức L cho UBND phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình pHt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

*Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.*

- Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 289.700.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000094 ngày 01/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.**

Nghị án kết thúc vào 9 giờ 40 phút, cùng ngày, biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử nghe và ký tên.

**Thành viên HĐXX**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Minh Hải**

**Đinh Văn Luận**

**Nguyễn Trọng Trường**